

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ T  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:28/2023/HNGĐ-ST

Ngày 01/8/2023.

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Xuân Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Bá Thành và ông Trần Giai Thương.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tỉnh B tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên.

Ngày 01/8/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28/6/2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-DS, ngày 14/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 27/7/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vương Thị Thanh D, sinh năm 1993 (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Đều nơi cư trú: Khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị Thanh kết hôn cùng anh Nguyễn Văn D vào ngày 01/3/2014, trước khi cưới đôi bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh B (nay là UBND phường T, thị xã T, tỉnh B). Sau ngày cưới theo phong tục tập quán của địa phương chị D về chung sống cùng anh D ngay. Vợ chồng có thời gian ngắn chung sống hòa thuận.

Theo chị D trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2014, nguyên nhân là do anh D làm được bao nhiêu tiền anh D ăn tiêu cá nhân hết, thấy vậy tôi nói thì vợ chồng lại xảy ra việc đánh cãi chửi nhau. Sau thời gian này vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau cũng từ nguyên nhân trên. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất

từ tháng 10/2022, nguyên nhân là do anh D có quan hệ nam nữ bất chính, khi anh D đi chơi về chị nói thì anh D lại đánh chửi chị. Do tức giận chị đã về nhà ở từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D càng sớm càng tốt.

Theo anh D trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh tháng 02/2022, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên vợ chồng cãi chửi nhau; do chị D thách thức và chửi anh nên chị D đã bị anh tát 01 cái và sau đó chị D đã về nhà ở từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị D xin ly hôn, anh D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên anh đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Chị D anh D đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn Tùng L, sinh ngày 14/02/2016, hiện cháu L đang ở với anh D. Ly hôn chị D anh D đều thoả thuận: Anh D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L đến tuổi trưởng thành trưởng thành; cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Chị D anh D đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

#### **Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán; Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, tổ chức hòa giải và điều hành phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Những yêu cầu, kiến nghị cần khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá Đại diện VKS đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

+ Về quan về hệ hôn nhân: Xử cho chị Vương Thị Thanh D được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Tùng L, sinh ngày 14/02/2016 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Chị Vương Thị Thanh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa lần thứ nhất mở ngày 27/7/2023 chị D có mặt, anh D vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa hôm nay chị D, anh D đều vắng mặt. Xét thấy, chị D vắng mặt nhưng có đơn xét xử vắng mặt; anh D vắng mặt lần thứ hai không lý do, nhưng anh D đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ theo quy định của pháp luật nên HĐXX xác định quyền lợi của anh D đã được đảm bảo. Anh D vắng mặt tại phiên tòa lần này là anh D đã tự từ bỏ quyền lợi của mình. Do vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án trên là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị Thanh D kết hôn cùng anh Nguyễn Văn D vào ngày 01/3/2014. Trước khi đăng ký kết hôn đôi bên có được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh B (nay là UBND phường T, thị xã T, tỉnh B). Do vậy, đã có đủ căn cứ kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh D là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị D anh D đều xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Từ tháng 02/2022 đến nay vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị D xin ly hôn, anh D đồng ý ly hôn. Xét thấy, anh D đồng ý ly hôn nhưng anh D không đến Tòa án làm việc và không có mặt tại phiên hoà giải. Do vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng chị D anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D và xử cho chị D được ly hôn với anh D là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xác nhận vợ chồng chị D anh D có 01 con chung là Nguyễn Văn Tùng L, sinh ngày 14/02/2016. Ly hôn chị D anh D đều thoả thuận: Anh D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L đến tuổi trưởng thành. Mặt khác, cháu L hiện đang do anh D trực tiếp nuôi dưỡng; cháu L vẫn học tập và phát triển bình thường và cháu L cũng có nguyện vọng được ở với anh D. Do vậy, HĐXX tiếp tục giao cháu L cho anh D trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Xét thấy, chị D anh D đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị

Vương Thị Thanh D là nguyên đơn trong vụ án nên chị D phải chịu 300.000 đồng ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan về hệ hôn nhân: Xử cho chị Vương Thị Thanh D được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Tùng L, sinh ngày 14/02/2016 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Vương Thị Thanh D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T theo biên lai số: AA/2021/0006060, ngày 28/6/2023. Xác nhận chị D đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị D và anh D vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

#### ***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND thị xã T;
- VKSND thị xã tỉnh B;
- Chi cục THADS thị xã T;
- UBND phường T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Xuân Hà**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Đức Nguyễn Thị Kim Dung**

**Phạm Xuân Hà**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 09 giờ 50 phút, ngày 30 tháng 5 năm 2023.

Tại: Tòa án nhân dân huyện T.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đức và bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Tiến hành thảo luận vụ án dân sự thụ lý số: 90/2023/TLST-HNGĐ, ngày 30/3/2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thêm, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Thôn Trương Xá, xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

2. *Bị đơn*: Anh Trần Văn Hải, sinh năm 1986.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Trương Xá, xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; nơi làm việc: Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Bình Phát; địa chỉ: Lô A20 Khu Công nghiệp Hà Mãn, Trí Quả, thị xã T, tỉnh B.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56,81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. *Biểu quyết nhất trí 3/3.*

2. Về quan về hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thêm được ly hôn với anh Trần Văn Hải. *Biểu quyết nhất trí 3/3.*

3. Về con chung: Giao cháu là Trần Thị Mỹ Phương, sinh ngày 07/8/2011 cho anh Hải được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Thêm có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết. *Biểu quyết nhất trí 3/3.*

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thêm phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Thêm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T theo biên lai số: AA/2021/0005943, ngày 30/3/2023. Xác nhận chị Thêm đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. *Biểu quyết nhất trí 3/3.*

5. Chị Thêm anh Hải vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật. *Biểu quyết nhất trí 3/3.*

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 5 năm 2022.

*Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.*

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**                      **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ.**

**Nguyễn Văn Đức**   **Nguyễn Thị Kim Dung**

**Phạm Xuân Hà**